

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2023/DS-ST**

Ngày 29/9/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Phạm Hoàng Kiệt .**

2- Ông **Nguyễn Hoàng Hồ.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đen.** Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Ông **Cao Thế Lĩnh.** Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 48/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40A/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Triệu Thị Kim T**, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: KP3, thị trấn T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Trần Phạm Ngọc H**, sinh ngày 12/7/1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp CN, xã TY, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2023 của nguyên đơn chị Triệu Thị Kim T cùng những lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 25/11/2021 âm lịch, Trần Phạm Ngọc H có chơi 2 phần hụi 5 triệu do chị làm chủ, hụi gồm 21 hụi viên. Đến ngày 25/02/2022 âm lịch, Trần Phạm Ngọc H hốt

phần hội thứ nhất và chị đã giao cho chị H phần hội thứ nhất với số tiền là 76.500.000đ (Bảy mươi sáu triệu, năm trăm ngàn đồng)

Sau đó, chị H có đóng lại được đến ngày 25/5/2022 âm lịch thì không còn đóng nữa, như vậy hội chết còn 15 lần tương đương với 75.000.00đ (Bảy mươi lăm triệu) cho đến hết chân hội.

Vào lúc 14 giờ 07 phút ngày 15/2/2022, chị có cho chị H mượn số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), chị H nói là mượn tiền đặt cọc mua đất và chị đồng ý cho mượn nên đã chuyển khoản cho chị H số tiền 100.000.000đ vào cùng ngày hôm đó.

Vào ngày 16/3/2022, chị H tiếp tục mượn chị thêm số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), chị H nói là mua đất còn thiếu tiền, chị H có trả lại cho tôi số tiền nợ trước đây là 7.500.000đ và chị đã chuyển khoản cho chị H số tiền là 92.500.000đ vào lúc 11h54 phút, ngày 16/03/2022.

Ngoài ra, chị Trần Phạm Ngọc H còn tham gia chơi 05 phần hội ngày do chị làm chủ, hội có 50 phần, hội 260.000đ/ngày. Vào ngày 27/04/2022, chị có chuyển tiền cho chị H số tiền 62.450.000đ (Sáu mươi hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn), đây là số tiền giao hội 5 phần hội mà chị H được hót, chị chuyển khoản lúc 18 giờ 06 phút cùng ngày.

Sau khi chị giao tiền hội cho chị H trong 05 phần ngày đã hót thì chị H đóng hội lại cho chị không đầy đủ, tính đến ngày 10/6/2022 thì chị H còn nợ chị số tiền hội ngày chưa đóng là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Trong 02 ngày, ngày 01 và 03 tháng 08 năm 2022, chị H có mượn chị số tiền tổng cộng là 10.000.000đ, chị H nói là con bị bệnh cần tiền để nhập viện gấp nên chị đã chuyển khoản cho chị H 2 lần, lần 1 số tiền là 2.000.000đ, lần 2 số tiền là 8.000.000đ. Chị H hứa vài ngày sau sẽ trả lại cho chị và đến ngày hôm nay chị chưa nhận lại số tiền mà chị H đã mượn.

Tính tổng cộng các khoản tiền chị H đã nợ của chị gồm tiền hội và tiền mượn là 345.500.000đ (Ba trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng), chị đã nhiều lần liên hệ với chị H để yêu cầu chị H trả số tiền này cho chị nhưng chị H chỉ hứa mà không trả.

Theo nội dung đơn khởi kiện, chị yêu cầu giải quyết buộc chị Trần Phạm Ngọc H trả cho chị là số tiền 345.500.000đ (Ba trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng) tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Triệu Thị Kim T đồng ý rút lại yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ, chỉ yêu cầu trả tiền gốc.

Bị đơn chị Trần Phạm Ngọc H được Tòa án thông báo và triệu tập tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Chị T xác định lại số tiền vay và tiền hui chị H nợ chị là 345.000.000đ chứ không phải là 345.500.000đ do trước đây khi làm đơn khởi kiện chị cộng nhầm.

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Phạm Ngọc H trả cho chị số tiền gốc còn nợ là 345.000.000đ (Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng), phần yêu cầu tính lãi chị vẫn đồng ý rút lại yêu cầu.

Bị đơn chị Trần Phạm Ngọc H vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ theo các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Kim T đối với chị Trần Phạm Ngọc H.

Buộc chị Trần Phạm Ngọc H có trách nhiệm trả cho chị Triệu Thị Kim T số tiền còn nợ từ việc tham gia góp hui và vay tài sản là 345.000.000đ (Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng), về yêu cầu tính lãi suất do trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị T đồng ý tự nguyện rút lại yêu cầu nên đề nghị HĐXX ghi nhận và đình chỉ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Kim T đối với chị Trần Phạm Ngọc H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hui, các giao

dịch được xác lập vào năm 2022 nên quan hệ tranh chấp trên được điều chỉnh theo quy định tại các Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Trần Phạm Ngọc H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án: Chị Triệu Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Phạm Ngọc H trả cho chị số tiền nợ từ việc vay tài sản và tham gia góp hui tổng cộng 345.000.000đ, trong đó tiền vay là 210.000.000đ, tiền hui là 135.000.000đ.

Xét thấy, mặc dù bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ như danh sách hui ngày, áp ngày 25/11/2021 âm lịch (BL 18), các giao chuyển tiền (BL số 07) do chị T cung cấp và Bản sao kê tài khoản do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện AB– Kiên Giang II cung cấp thể hiện các số tiền chị T chuyển cho chị H đúng như lời chị T trình bày, cụ thể số tiền hui tháng 5 triệu là 76.500.000đ chuyển ngày 29/3/2023 (BL 134), số tiền vay 100.000.000đ chuyển ngày 15/02/2022 (BL 141, 07), số tiền vay 100.000.000đ trừ nợ cũ 7.500.000đ chuyển 92.500.000đ ngày 16/3/2022 (BL 138, 07), số tiền hui ngày chuyển 62.450.000đ, chuyển ngày 27/4/2022 (BL 131, 07), số tiền mượn 2 lần 10.000.000đ, lần 1 mượn 2.000.000đ chuyển ngày 01/8/2022 (BL 117, 07), lần 02 mượn 8.000.000đ chuyển ngày 03/8/2022 (BL 116).

Như vậy, từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định được chị Trần Phạm Ngọc H còn nợ chị Triệu Thị Kim T số tiền vay và tiền tham gia góp hui tổng cộng là 345.000.000đ chưa thanh toán. Vì vậy, chị Triệu Thị Kim T khởi kiện yêu cầu chị Trần Phạm Ngọc H trả số tiền còn nợ 345.000.000đ là có căn cứ để chấp nhận.

Từ nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc chị Trần Phạm Ngọc H có trách nhiệm trả cho chị Triệu Thị Kim T số tiền nợ 345.000.000đ (Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Đối với yêu cầu tính lãi, do chị Triệu Thị Kim T rút lại yêu cầu này HĐXX ghi nhận để đình chỉ giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Trần Phạm Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $345.000.000đ \times 5\% = 17.250.000đ$ (Mười bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)

Chị Triệu Thị Kim T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.625.000đ (Tám triệu sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0005915 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 375, 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 39, 94, 147, điểm b Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Kim T đối với chị Trần Phạm Ngọc H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp họ.

2. Buộc chị Trần Phạm Ngọc H trả cho chị Triệu Thị Kim T số tiền tổng cộng là 345.000.000đ (Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Kim T đối với chị Trần Phạm Ngọc H về việc trả lãi đối với số tiền nợ vay và góp họ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Trần Phạm Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $345.000.000đ \times 5\% = 17.250.000đ$ (Mười bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)

Chị Triệu Thị Kim T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.625.000đ (Tám triệu sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0005915 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/9/2023). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh